

Nội dung bài viết

1. [1. Listen, point and repeat](#)
2. [2. Listen, point and repeat](#)
3. [3. Make some addition problems for your friend](#)
4. [4. Look and color](#)
5. [5. Từ vựng](#)

### 1. Listen, point and repeat



### Bài nghe

Plus

Equals

Addition problem

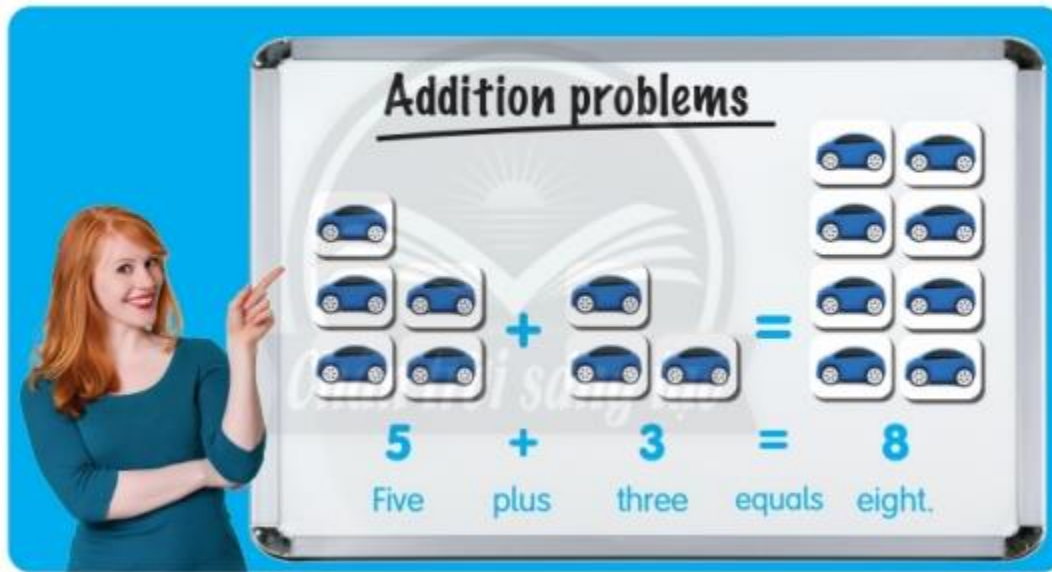
Equals

Addition problem

Plus

## 2. Listen, point and repeat

2 Listen, point, and repeat. 



### Bài nghe

Addition problem

Five plus three equals eight

### 3. Make some addition problems for your friend

(Làm một vài phép tính cộng với bạn.)

### Lời giải chi tiết:

#### 1. Addition problem 1

(Phép tính cộng số 1)

$$\begin{array}{ccccccc}
 2 & + & 8 & = & & ? \\
 \text{two} & \text{plus} & \text{eight} & \text{equals} & & 
 \end{array}$$

Đáp án:

$$\begin{array}{ccccc} 2 & + & 8 & = & 10 \\ \text{two} & \text{plus} & \text{eight} & \text{equals} & \text{ten} \end{array}$$

**2. Addition problem 2***(Phép tính cộng số 2)*

$$\begin{array}{ccccc} 7 & + & 8 & = & ? \\ \text{seven} & \text{plus} & \text{eight} & \text{equals} & \end{array}$$

**Đáp án:**

$$\begin{array}{ccccc} 7 & + & 8 & = & 15 \\ \text{seven} & \text{plus} & \text{eight} & \text{equals} & \text{fifteen} \end{array}$$

**3. Addition problem 3***(Phép tính cộng số 3)*

$$\begin{array}{ccccc} 5 & + & 6 & = & ? \\ \text{five} & \text{plus} & \text{six} & \text{equals} & \end{array}$$

**Đáp án:**

$$5 + 6 = 11$$

five plus six equals eleven

**4. Addition problem 4**

(Phép tính cộng số 4)

$$4 + 9 = ?$$

four plus nine equals

Đáp án:

$$4 + 9 = 13$$

four plus nine equals thirteen

**5. Addition problem 5**

(Phép tính cộng số 5)

$$3 + 13 = ?$$

three plus thirteen equals

Đáp án:

$$3 + 13 = 16$$

three plus thirteen equals sixteen

#### 4. Look and color



#### 5. Từ vựng

1. **plus** /plʌs/: cộng
2. **equal** /'i:kwəl/ (adj): bằng
3. **addition problem** /ə'dɪʃ(ə)n/ /'prɒbləm/: phép tính cộng